



Nhà bán lẻ hàng đầu Việt Nam

MWG





NỘI DUNG



- 03 NHỮNG CON SỐ NỔI BẬT
- 04 TÂM NHÌN, SỨ MỆNH,
GIÁ TRỊ CỐT LÕI
- 05 THÀNH QUẢ 5 NĂM GẦN ĐÂY

06 TỔNG QUAN

- 07 LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG
- 08 CÁC CỘT MỐC QUAN TRỌNG
- 09 MẠNG LƯỚI RỘNG KHẮP
- 10 TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG
- 11 TIỀM NĂNG TĂNG TRƯỞNG
- 12 KẾT QUẢ KINH DOANH 2017
- 13 KẾ HOẠCH KINH DOANH 2018
- 14 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- 16 BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- 17 BAN KIỂM SOÁT

18 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

- 19 MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI
- 20 PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

21 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 22 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- 24 BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
- 26 CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ
KHOẢN LỢI ÍCH

30 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 31 THÔNG TIN CHUNG
- 32 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
- 33 BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
- 34 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
- 36 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH
DOANH HỢP NHẤT
- 37 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
HỢP NHẤT
- 39 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT

NHỮNG CON SỐ NỔI BẬT 2017

Bách hóa XANH

283 Siêu thị

Điện máy XANH

642 Siêu thị

thegioididong.com

1.072 Siêu thị

Hơn

34.000
Nhân viên

14 năm
hoạt động



MWG

NHÀ BÁN LẺ XUẤT SẮC
SỐ 1 VIỆT NAM



Doanh thu

66.340
tỷ đồng



Lợi nhuận
sau thuế

2.207
Tỷ đồng



TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI



**Đây là chúng tôi.
Đây là điều mà bạn
có thể tin nhiệm.**

MWG 2020 là tập đoàn bán lẻ đa ngành hàng hùng mạnh nhất, có vị thế số 1 trong lĩnh vực thương mại điện tử, mở rộng kinh doanh thành công ở Lào, Campuchia và Myanmar.

MWG liên tục cải tiến mang đến cho Khách hàng trải nghiệm thú vị và hài lòng nhất dựa trên nền tảng văn hóa đặt Khách Hàng làm trọng tâm và Integrity.

Các giá trị cốt lõi vận hành xuyên suốt mọi hoạt động, lan tỏa từ Ban Giám đốc đến mỗi nhân viên trong Công ty.

6 GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA NHÂN VIÊN MWG

TẬN TÂM VỚI KHÁCH HÀNG



TRUNG THỰC



INTEGRITY



NHẬN TRÁCH NHIỆM



YÊU THƯƠNG VÀ HỖ TRỢ ĐỒNG ĐỘI



MÁU LỬA TRONG CÔNG VIỆC

THÀNH QUẢ 5 NĂM GẦN ĐÂY





TỔNG QUAN



07 LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

08 CÁC CỘT MỐC QUAN TRỌNG

09 MẠNG LƯỚI RỘNG KHẮP

10 TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

11 TIỀM NĂNG TĂNG TRƯỞNG

12 KẾ HOẠCH KINH DOANH 2017

13 KẾ HOẠCH KINH DOANH 2018

14 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

16 BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

17 BAN KIỂM SOÁT

MWG

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

Tên doanh nghiệp:
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
THẾ GIỚI DI ĐỘNG**

Tên giao dịch đối ngoại:
**MOBILE WORLD INVESTMENT
CORPORATION**

Mã cổ phiếu: **MWG**

Giấy CNKD số: **0306731335**
do Sở Kế hoạch và Đầu tư
Bình Dương cấp

Vốn điều lệ:
3.169.884.370.000 VNĐ

Địa chỉ: **Số 222 Yersin, Phường
Phú Cường, Thành phố Thủ Dầu
Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam**

Điện thoại: **(+8428) 8125960**
Fax: **(+8428) 8125962**

Website: **www.mwg.vn**

**Chuỗi siêu thị
Thegioididong.
com**

Mua bán điện thoại di động, máy
tính bảng, laptop, phụ kiện, sim
số, dịch vụ mạng ...

1.072 siêu thị



**Chuỗi bán lẻ
Dienmayxanh.com**

Mua bán tivi, tủ lạnh, máy giặt,
máy lạnh, lò vi sóng ...

642 Siêu thị



**Chuỗi bán lẻ
Bachhoaxanh.com**

Hoàn thiện giai đoạn thử nghiệm,
năm 2017 đã đạt

283 Siêu thị



**kênh bán
hàng trực tuyến
vuivui.com**

Chính thức bán hàng vào năm
2017, phục vụ cho khu vực Tp.
HCM. Doanh thu 2017 đạt

73 tỷ đồng



CÁC CỘT MỐC QUAN TRỌNG

2004

03/2004 - Công ty TNHH Thế Giới Di Động được thành lập.

10/2004 - Khai trương siêu thị đầu tiên.

Dịch vụ khách hàng và website: www.thegiodidong.com đã được chăm chút ngay từ những ngày đầu.



2010

Phát triển vượt bậc với sự ra đời liên tiếp của các siêu thị thegioididong.com trên khắp mọi miền của đất nước.

Cuối năm 2010, hệ thống chuyên bán lẻ các thiết bị điện máy, điện gia dụng điện máy xanh ra đời.

Điện máy XANH

2007

Tiếp nhận vốn đầu tư của quỹ Mekong Capital, chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần.



2011

Cuối năm 2011, đạt số lượng 200 siêu thị, tăng 5 lần so với năm 2009.



2012

03/2012 khai trương siêu thị tại Bắc Giang, thegioididong.com trở thành hệ thống bán lẻ thiết bị di động đầu tiên và duy nhất hiện nay có mặt tại tất cả 63 tỉnh thành trên cả nước.

Điện máy xanh có mặt tại 9 tỉnh thành với số lượng 12 siêu thị.



2014

07/2014, niêm yết thành công 62.723.171 Cổ phiếu, mã MWG

Thế giới di động với số lượng siêu thị tăng 60%, lợi nhuận sau thuế tăng 160% so với năm 2013.

Lợi nhuận sau thuế **160%**



2016

thegiodidong nâng cao thị phần với gần 900 siêu thị

Điện máy Xanh trở thành nhà bán lẻ điện máy đầu tiên tại Việt Nam phủ sóng 63/63 tỉnh thành với hơn 250 siêu thị

Bắt đầu giai đoạn thử nghiệm chuỗi bán lẻ mới: siêu thị mini Bách hóa xanh

Bách hóa XANH



2017



Thegioididong.com: duy trì vị thế dẫn đầu về thị phần và không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng

Điện máy XANH: mở rộng mạnh mẽ với hơn 400 siêu thị mới trong năm 2017.

Hoàn tất việc mua bán sáp nhập chuỗi bán lẻ điện máy Trần Anh.

Chuỗi siêu thị Bách hóa XANH tăng tốc với gần 300 cửa hàng



MẠNG LƯỚI RỘNG KHẮP

Thành lập năm 2004, từ mô hình Thương mại điện tử sơ khai với một website giới thiệu thông tin sản phẩm, đến nay Thegioididong đã phát triển thành hệ thống siêu thị rộng khắp và trở thành nhà bán lẻ xuất sắc số 1 Việt Nam.



Cuối năm 2017, Thegioididong.com tiếp tục khẳng định vị thế đầu ngành với hơn 1.000 siêu thị trên toàn quốc.

Các siêu thị có diện tích từ 100 - 200m² được trang bị hiện đại chuyên bán lẻ các sản phẩm kỹ thuật số bao gồm điện thoại di động, máy tính bảng, laptop và phụ kiện, sim số, dịch vụ mạng, ...

Tháng 7 năm 2016, Điện máy Xanh hoàn tất việc phủ sóng tại 63 tỉnh thành trên toàn quốc, mỗi siêu thị có diện tích từ 500 - 1.000 m² kinh doanh chủ yếu các sản phẩm điện gia dụng và kỹ thuật số như: Tivi, tủ lạnh, máy giặt, máy lạnh, lò vi sóng, gia



dụng; điện thoại di động, máy tính bảng, laptop, phụ kiện, sim số, dịch vụ mạng, ...

Bên cạnh đó, layout Điện máy Xanh mini với diện tích từ 300 - 400 m² cũng giúp đưa Điện máy Xanh đến gần hơn với khách hàng và dễ dàng tăng tốc trong quá trình mở rộng.

Năm 2017, đội ngũ MWG đã nỗ lực mạnh mẽ để đưa hơn 380 siêu thị mới phủ dày hệ thống, nâng tổng số siêu thị Điện máy Xanh toàn quốc lên đến 640 cửa hàng.

Cuối năm 2015, Cửa hàng Bách hoá Xanh đầu tiên chính thức có mặt trên thị trường với tiêu chí Mua Nhanh - Mua Rẻ. Đến cuối năm 2016, Bách hoá Xanh hoàn tất giai đoạn thử nghiệm để chuẩn bị bước vào giai đoạn mở rộng trong năm 2017.



Cuối năm 2017, Bách hóa Xanh đã có hơn 280 siêu thị ở các quận Bình Tân, Tân Phú, Hóc Môn, Q.12, TP. HCM.

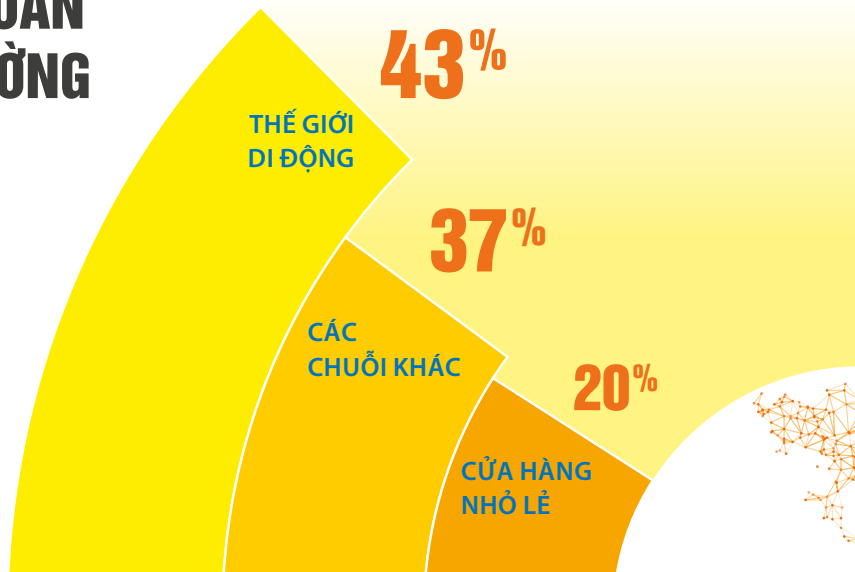
Diện tích cửa hàng từ 200-300 m², chủ yếu kinh doanh các sản phẩm như bánh kẹo, đồ hộp, bia, nước giải khát, rau, củ, quả, hoá mỹ phẩm, ...

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG) hiện đang vận hành các chuỗi bán lẻ là thegioididong.com, Điện máy XANH (dienmayxanh.com), Bách hoá Xanh và kênh bán hàng trực tuyến vuivui.com.



Cuối năm 2016, trang VUIVUI.COM ra đời với sứ mệnh đem đến cho khách hàng trải nghiệm mua sắm trực tuyến thực sự an toàn, tin cậy, thuận tiện cùng giá cả cạnh tranh với hơn 40.000 sản phẩm đa dạng và phong phú.

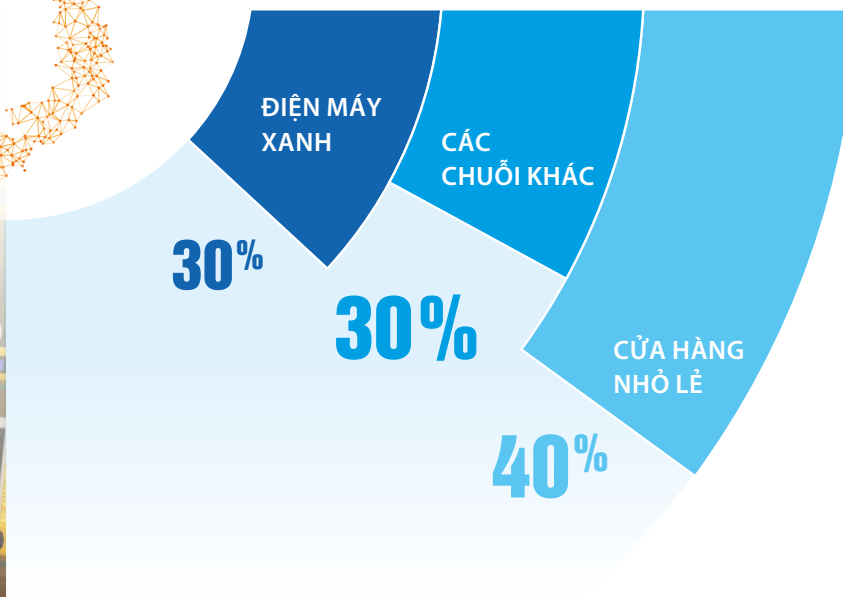
TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG



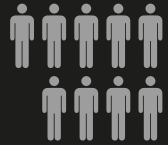
THỊ PHẦN ĐTDĐ CHÍNH HÃNG



THỊ PHẦN ĐIỆN MÁY CHÍNH HÃNG



TIỀM NĂNG TĂNG TRƯỞNG



90 mn

90 triệu dân số trẻ và có xu hướng gia tăng tiêu dùng qua mỗi năm

Các hãng điện thoại nắm bắt tốt tâm lý người tiêu dùng, không ngừng cải tiến và liên tục ra mắt sản phẩm mới

Nhiều chính sách trả góp linh hoạt, đơn giản giúp khách hàng dễ dàng sở hữu sản phẩm yêu thích



Thị trường điện máy còn phân mảnh, cơ hội cho một số ít công ty **thống lĩnh** thị trường.

Hơn **40%** thị phần đang được phục vụ bởi các cửa hàng nhỏ lẻ. Nhu cầu sở hữu các sản phẩm điện máy, điện lạnh tăng cao, đặc biệt là ở các khu vực tỉnh/thành nhỏ.



Quy mô thị trường FMCG lớn gấp **10 lần** tổng thị trường điện thoại và điện máy.

80% thị phần đang nắm giữ bởi Chợ truyền thống và cửa hàng nhỏ lẻ. Chưa có nhiều doanh nghiệp tham gia chiếm lĩnh thị phần ở phân khúc siêu thị mini.



Mua sắm Online là hướng đi tương lai của giới trẻ



Cơ hội tăng trưởng mảng **Online** rất lớn với mô hình đa kênh (Omni channel) dành cho nhà bán lẻ có chuỗi cửa hàng rộng khắp.

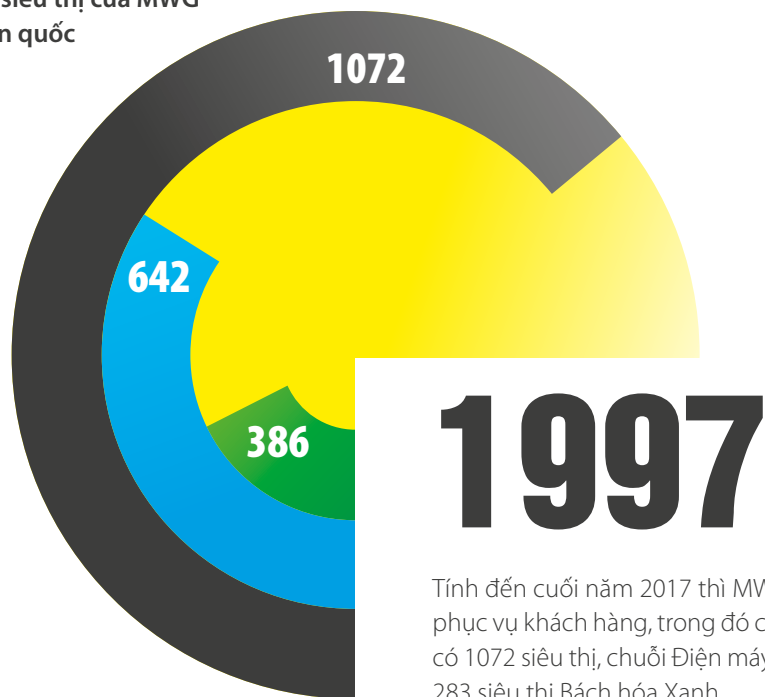


KẾT QUẢ KINH DOANH 2017

Năm 2017, nhờ những nỗ lực mạnh mẽ, tập đoàn Thế Giới Di Động đã cán mốc doanh thu trên 3 tỷ đô la, giữ vững vị trí Nhà bán lẻ có doanh số lớn nhất Việt Nam.

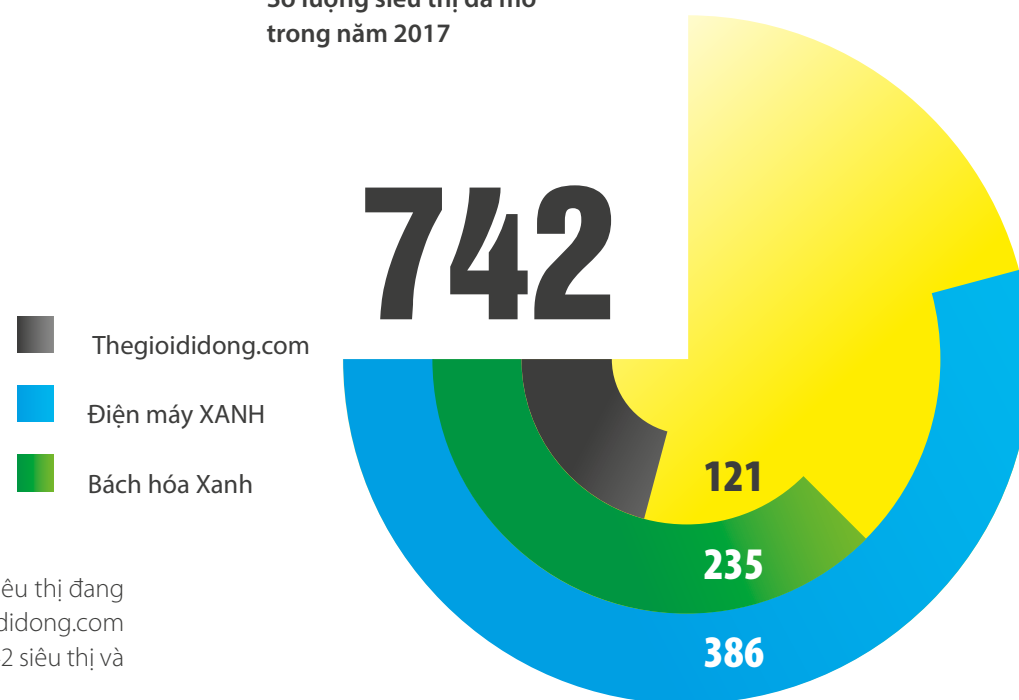
Chỉ tiêu	Thực tế 2017	Kế hoạch 2017	Tỷ lệ hoàn thành	Thực tế 2016	Tỷ lệ tăng trưởng
Doanh thu	66,340	63,125	105.1%	44,613	48.7%
Lợi nhuận sau thuế	2,207	2,204	100.1%	1,578	39.8%

Tổng số siêu thị của MWG trên toàn quốc



Tính đến cuối năm 2017 thì MWG có 1997 siêu thị đang phục vụ khách hàng, trong đó chuỗi Thegioididong.com có 1072 siêu thị, chuỗi Điện máy XANH có 642 siêu thị và 283 siêu thị Bách hóa Xanh.

Số lượng siêu thị đã mở trong năm 2017



KẾ HOẠCH KINH DOANH 2018



Kiểm soát chặt chẽ và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại chuỗi Thegioididong.com và Điện máy Xanh

500 cửa hàng

Dự kiến đến 6 tháng đầu năm 2018, chuỗi siêu thị mini Bách hóa XANH sẽ bao phủ khu vực TP. HCM với tổng số 500 cửa hàng và tiếp tục hoàn thiện, tối ưu hoạt động của hệ thống.



Mở rộng các ngành hàng kinh doanh trên trang Vuivui.com. Đưa Dịch vụ khách hàng của Vuivui.com lên vị trí số 1 trong lĩnh vực thương mại điện tử.



ONLINE

Duy trì vị trí dẫn đầu về kinh doanh ONLINE của 2 trang Thegioididong.com và Dienmayxanh.com



KẾ HOẠCH 2018

DOANH THU THUẦN HỢP NHẤT
86.390 Tỷ Đồng

TĂNG TRƯỞNG
30%

LỢI NHUẬN SAU THUẾ HỢP NHẤT
2.603 Tỷ Đồng

TĂNG TRƯỞNG
18%



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Đức Tài
Đồng sáng lập viên
Chủ tịch HĐQT

- Tốt nghiệp Đại học Kinh Tế TP. HCM ngành Tài chính – kế toán
- Thạc sĩ ngành Quản Trị Kinh Doanh tại Học viện Quản Trị CFVG.
- Lần lượt nắm giữ các vị trí chủ chốt của Công ty như Tài chính kế toán, Kinh doanh tiếp thị, Cung ứng hậu cần, Mở rộng mạng lưới cửa hàng, Quản lý điều hành chung.



Ông Trần Kinh Doanh
Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Tổng Giám Đốc

- Cử nhân Kinh Tế, Đại học Kinh Tế TP. HCM
- Từng giữ nhiều vị trí then chốt trong khối Phát triển kinh doanh từ năm 2007.
- Đưa hệ thống thegioididong.com, Điện máy Xanh có mặt ở 63 tỉnh thành.
- 2013 -Thành viên HĐQT Quản Trị
- 2014 -Tổng Giám Đốc Công ty CP Thế Giới Di Động



Ông Trần Lê Quân
Đồng sáng lập viên
Thành viên Hội Đồng Quản Trị

- Kỹ sư viễn thông
- Người đặt những nền tảng đầu tiên của Công ty
- Giám Đốc của Công ty CP Thế Giới Di Động từ năm 2004 - 2007.
- Hiện nay: Thành viên HĐQT Quản Trị độc lập - không điều hành.



Ông Điều Chính Hải Triều
Đồng sáng lập viên
Thành viên Hội Đồng Quản Trị

- Cử nhân ngành Công nghệ Thông tin, ĐH Khoa học Tự nhiên
- Người đặt những nền tảng ban đầu cho hệ thống Công nghệ Thông tin của Công ty
- Hiện đang giữ chức vụ Giám đốc CNTT của Công ty



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **Chris Freund**

Thành viên Hội Đồng Quản Trị

- Quốc tịch Mỹ
- Tổng Giám Đốc quỹ đầu tư Mekong Capital.
- Gắn bó với Thế Giới Di Động từ những ngày đầu.
- Tháng 1/2013 - Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty CP Đầu Tư Thế Giới Di Động.



Ông **Thomas Lanyi**

Thành viên Hội Đồng Quản Trị

- Quốc tịch Anh
- Cựu Giám đốc điều hành BestBuy International.
- Thành viên Hội Đồng Quản Trị kiêm Cố vấn cao cấp của Công ty từ tháng 4/2013.



Ông **Robert Willett**

Thành viên Hội Đồng Quản Trị

- Quốc tịch Áo
- Giám Đốc CDH Investment Advisory Pte Ltd.
- Thành viên Hội Đồng Quản Trị với tư cách đại diện ủy quyền của CDH Electric Bee Ltd.,



Ông **Đặng Minh Lượm**

Thành viên Hội Đồng Quản Trị

- Tốt nghiệp ngành Quản trị Kinh doanh, chuyên ngành QT nhân sự.
- Giám Đốc Nhân Sự Công ty CP Thế Giới Di Động từ năm 2007,
- Thành viên Hội Đồng Quản Trị từ tháng 5/2014.
- Hiện nay: Giám Đốc Nhân Sự của Công ty TGDD



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông **Trần Kinh Doanh**
Tổng Giám Đốc



Ông **Đặng Minh Lượm**
Thành viên HĐQT Quản Trị



Ông **Đỗ Tuấn Anh**
GD Cung ứng Hậu cần



Bà **Lê Thảo Trang**
GD Marketing



Ông **Phạm Văn Trọng**
GD Khởi CNTT



Ông **Vũ Đăng Linh**
GD Tài chính



Bà **Hoàng Khánh Chi**
GD Chăm sóc Khách hàng

BAN KIỂM SOÁT



Ông Trần Huy Thanh Tùng
Trưởng BKS

- Từng giữ chức vụ Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính của Công ty từ năm 2007 đến năm 2013.
- Trưởng Ban kiểm soát của Công ty vào cuối năm 2013



Ông Hoàng Hữu Hưng
Thành viên

- Từng giữ các chức vụ Phó phòng kiểm toán, Quyền trưởng phòng kiểm toán Công ty KPMG Việt Nam
- Trưởng phòng kiểm soát nội bộ Công ty CP Đầu tư Thế Giới Di Động.
- Được Đại hội cổ đông thường niên 2017 bầu làm Thành viên Ban kiểm soát - Nhiệm kỳ 2017 - 2020



Bà Nguyễn Khánh Vân
Thành viên

- Đại diện quỹ đầu tư MEFII,
- Thành viên Ban Kiểm soát độc lập của Công ty CP Đầu tư Thế Giới Di Động



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

19 Môi trường và xã hội

20 Phát triển nguồn nhân lực



MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

đóng góp vào ngân sách nhà nước gần

1.400 tỉ đồng



Đóng góp cộng đồng

Ngoài nỗ lực phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh, các cam kết với nhà đầu tư, chúng tôi còn quan tâm đến các hoạt động ngoại khóa dành cho tập thể nhân viên, các hoạt động đóng góp cho cộng đồng và xã hội.

MWG luôn hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và các khoản Bảo hiểm bắt buộc cho toàn bộ nhân viên Công ty. Cụ thể, toàn Công ty đã đóng góp vào ngân sách nhà nước gần 1.400 tỉ đồng trong năm 2017.

Bên cạnh đó, thông qua các buổi chia sẻ kinh nghiệm cởi mở của các thành viên Ban giám đốc về các kỹ năng Quản trị Công ty như Hệ thống Quản trị ERP, nhân sự, Xây dựng văn hóa doanh nghiệp... chúng tôi muốn chia sẻ thành công mà MWG đang có được và truyền lửa đam mê đến các doanh nhân trẻ, các start-up để giúp họ tiết kiệm thời gian tìm hiểu, tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Tiết kiệm năng lượng

Song song đó, chúng tôi vẫn tiếp tục duy trì các hoạt động và vận động nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng tại văn phòng công ty và toàn hệ thống siêu thị trên khắp cả nước.

Tất cả các siêu thị đều được trang bị các thiết bị tiết kiệm năng lượng và thân thiện môi trường như vật liệu có khả năng tái chế, đèn led, thiết bị cảm ứng hẹn giờ bật tắt điện tự động, đáp ứng đầy đủ yêu cầu Phòng cháy chữa cháy...

Kể từ năm 2013, các siêu thị của MWG đều được lắp đặt bộ cảm biến quang tự động bật đèn bảng hiệu, vào lúc 18 giờ hoặc khi trời đủ tối và tự tắt vào 22 giờ mỗi ngày.

Ngoài ra, nhằm tối ưu hiệu quả tiết kiệm điện năng trong toàn hệ thống và nâng cao ý thức nhân viên trong việc tiết kiệm năng lượng, công ty thiết kế hệ thống tự động mở đèn, máy lạnh vào 7 giờ và tắt vào 23 giờ mỗi ngày tại các siêu thị.



PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Công ty có môi trường làm
việc tốt nhất (2015 -2017)



34.000

Tổng số nhân viên
toàn Công ty



8.000

nhân viên mới trong năm 2017



Tuyển dụng và đãi ngộ Nhân viên

MWG không ngừng thu hút và tuyển dụng nguồn nhân lực, tạo môi trường làm việc thuận lợi cho nhân viên mới hội nhập và thích ứng với công việc nhanh nhất. Trong năm 2017, để đáp ứng đầy đủ nhu cầu nhân sự cho hơn 400 siêu thị Điện máy XANH và hơn 200 cửa hàng Bách hóa Xanh mới, chúng tôi không ngừng đẩy mạnh công tác tuyển dụng, thu hút nguồn nhân lực mới thông qua các hình thức tạo nguồn sáng tạo như: Video giới thiệu, ứng tuyển qua SMS và Hotline, Roadshow tại các khu vực ngoại thành TP. HCM... Với hơn 8.000 nhân viên mới gia nhập vào tập đoàn MWG trong năm 2017, nâng tổng số lao động của toàn Công ty lên hơn 34.000 nhân viên, góp phần tạo công ăn việc làm với mức thu nhập tốt cho xã hội.

Phòng ban	2015	2016	2017
Khối Siêu thị	13411	23164	30506
Khối Công nghệ thông tin	198	295	373
Khối Tài chính kế toán	193	315	409
Khối Phát triển doanh nghiệp	336	1183	1769
Khối Cung ứng hậu cần	597	577	852
Khối Hành chính - nhân sự	113	152	106
Khối Bán hàng Online	335	521	590
TỔNG CỘNG	15183	26207	34605

Đồng thời, chính sách thăng tiến công bằng và minh bạch trong toàn hệ thống tạo động lực, tăng tính đoàn kết, hỗ trợ và nâng cao tinh thần làm việc của nhân viên, nhằm đảm bảo việc vận hành hiệu quả cho hệ thống các siêu thị. Ngoài việc thực hiện đầy đủ các chính sách đào tạo, chế độ lương thưởng, phụ cấp, phúc lợi, Ban lãnh đạo MWG luôn sẵn sàng lắng nghe, chia sẻ kinh nghiệm với nhân viên nhằm tạo sự gắn kết, khuyến khích và phát huy tính sáng tạo của nhân viên.

MWG vinh hạnh nhận giải thưởng “Công ty có môi trường làm việc tốt nhất” trong 3 năm liên tiếp 2015 - 2017.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

22 Báo cáo của Hội đồng quản trị

24 Báo cáo của Ban kiểm soát

26 Các giao dịch, thù lao và khoản lợi ích





BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2016

- Hoàn thành kế hoạch mở rộng hệ thống với hơn 742 siêu thị mới được khai trương trong năm 2017, nâng tổng số siêu thị của MWG lên 1997, trong đó chuỗi thegioididong.com có 1072 siêu thị và chuỗi Điện máy XANH có 642 siêu thị và 283 siêu thị Bách Hóa Xanh.
- BGD và toàn thể nhân viên tiếp tục đồng thuận và mạnh mẽ sống với văn hóa Đặt khách hàng làm trung tâm trong mọi suy nghĩ và hành động, đem đến cho từng Khách hàng những trải nghiệm của chất lượng dịch vụ vượt trội.
- Vinh dự nhận được các giải thưởng uy tín từ các tổ chức trong và ngoài nước như:
 - “Công ty có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam” 3 năm liên tiếp 2015, 2016, 2017
 - Đứng đầu trong TOP 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt nam 2017 do Tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư vinh danh
 - Đứng thứ 8 trong TOP 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam trong bảng xếp hạng VNR500 năm 2017

Kết quả hoạt động kinh doanh

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực tế 2017	Kế hoạch 2017	Tỷ lệ hoàn thành	Thực tế 2016	Tỷ lệ tăng trưởng
Doanh thu thuần	66.340	63.280	105%	44.613	48%
Lợi nhuận sau thuế	2.207	2.200	100%	1.578	39%

Chi tiết Báo cáo tài chính 2017 đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty: WWW.MWG.VN

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017

Trong năm 2017, HĐQT không có sự thay đổi về cơ cấu nhân sự. HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ định hướng, chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Điều hành như sau:

- Theo dõi, nắm bắt quá trình điều hành kinh doanh của Công ty thông qua các báo cáo, văn bản của Ban Giám đốc gửi HĐQT thường kỳ và bất thường để đưa ra những phương hướng, chiến lược kịp thời và hiệu quả
- Bằng mối quan hệ rộng rãi, sự hiểu biết sâu sắc và dày dặn kinh nghiệm, các thành viên HĐQT nước ngoài là một cầu nối hiệu quả đến các đối tác Quốc tế uy tín, giúp Ban Giám đốc MWG tiếp cận được nhiều kiến thức, tiêu chuẩn và cách thức vận hành tiên tiến trên thế giới, đem đến nhiều cơ hội học hỏi, trao đổi và hợp tác lâu dài.
- Gặp gỡ và trao đổi với hơn 500 Nhà đầu tư trong và ngoài nước, để giới thiệu về MWG, hỏi đáp, lắng nghe các góp ý.
- Kết hợp với Ban Kiểm soát để nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến với Ban Giám đốc để hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra.

Các buổi họp của Hội đồng Quản trị

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch	4	100%
2	Trần Lê Quân	Thành viên	4	100%
3	Trần Kinh Doanh	Thành viên	4	100%
4	Điều Chính Hải Triều	Thành viên	4	100%
5	Robert Willett	Thành viên	4	100%
6	Chris Freund	Thành viên	4	100%
7	Thomas Lanyi	Thành viên	4	100%
8	Đặng Minh Lượm	Thành viên	4	100%



- Thông qua các buổi họp thường kỳ, bất thường và lấy ý kiến bằng văn bản, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết sau:

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	0103/NQ/HĐQT-2017	14/3/2017	Nghị quyết HĐQT thông qua Tờ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017
2	0204/NQ/HĐQT-2017	19/4/2017	Nghị quyết HĐQT về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2017
3	0304/NQ/HĐQT-2017	25/4/2017	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng
4	0404/NQ/HĐQT-2018	25/4/2017	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu thưởng
5	0111/NQ/HĐQT-2017	1/11/2017	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu thưởng
6	0411/NQ/HĐQT-2017	8/11/2017	Nghị quyết HĐQT thông qua việc phát hành trái phiếu
7	0112/NQ/HĐQT-2017	7/12/2017	Nghị quyết HĐQT về phương án phát hành riêng lẻ để tăng vốn điều lệ
8	0212/NQ/HĐQT-2017	19/12/2017	Nghị quyết HĐQT thông qua kế hoạch kinh doanh 2018
9	0312/NQ/HĐQT-2017	20/12/2017	Nghị quyết HĐQT về DS nhân viên nhận cổ phiếu thưởng ESOP
10	0412/NQ/HĐQT-2017	25/12/2017	Nghị quyết HĐQT về việc hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu thưởng ESOP

Nhờ đó, tập thể Công ty CP Đầu tư Thế Giới Di Động đã hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông trong năm 2017 giao phó như sau:

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 vào ngày 31/3/2017
- Hoàn tất đợt phát hành cổ tức bằng tiền mặt từ nguồn lợi nhuận giữ lại theo báo cáo tài chính kiểm toán 2016
- Hoàn tất việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty và công ty con dựa trên vào kết quả kinh doanh 2016.
- Hoàn tất phát hành 1.135 tỷ đồng trái phiếu

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2018

Năm 2018, HĐQT dự kiến kế hoạch hoạt động chung như sau:

- Tập trung đôn đốc, giám sát việc triển khai kế hoạch để hoàn thành chỉ tiêu kinh doanh năm 2018 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Phối hợp với Ban Kiểm soát tăng cường việc giám sát, kiểm tra hoạt động của Ban Giám đốc để cùng đưa Công ty từng bước chuyên nghiệp theo quy chuẩn của một Công ty đại chúng.
- Tiếp tục tổ chức các phiên họp thường kỳ và bất thường để lắng nghe kiến nghị của Tổng Giám đốc và các thành viên điều hành, từ đó HĐQT đưa ra những quyết nghị thiết thực và hiệu quả cho Ban Điều hành triển khai thực hiện.





BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BKS

Ban kiểm soát có 3 thành viên như sau:

STT	Họ & tên	Chức danh
1	Trần Huy Thanh Tùng	Trưởng ban
2	Hoàng Hữu Hưng	Thành viên
3	Nguyễn Khánh Vân	Thành viên

HOẠT ĐỘNG CỦA BKS

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ
- Giám sát hoạt động điều hành và quản lý của HĐQT và BGD
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp và tính trung thực trong công tác Kế toán và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG BKS

A Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ

- Các nghị quyết được thông qua bởi ĐHĐCĐ thường niên 2017 đã triển khai và thực hiện đầy đủ:
- Chi trả cổ tức bằng tiền mặt, tỷ lệ 15% (1.500VND/cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu.
- Phát hành cổ tức bằng cổ phiếu là 1:1 (mỗi cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để phát hành sẽ nhận được 1 cổ phiếu phát hành thêm)
- Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động: MWG đã hoàn tất việc phát hành 9.222.648 cổ phần (tương đương 3% cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phát hành) cho 2.752 người lao động vào tháng 12/2017.
- Thành lập Công ty TNHH MTV Công Nghệ Thông Tin Thế Giới Di Động. Vốn điều lệ là 138 tỷ đồng.

- Tăng vốn đầu tư cho Chuỗi Bách Hóa Xanh thêm 500 tỷ đồng phục vụ cho kế hoạch phát triển kinh doanh Bách Hóa Xanh
- Hoàn tất kế hoạch mua bán – sát nhập các doanh nghiệp bán lẻ cùng ngành và khác ngành.

B. Giám sát hoạt động điều hành và quản lý của HĐQT và BGD

- Trong năm 2017, HĐQT đã họp 10 lần, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ đúng theo quy định điều lệ Công ty.
- Tuân thủ nghiêm các điều lệ của MWG và pháp luật.
- Tập trung tăng tốc mở mới các siêu thị trên toàn quốc, tăng độ phủ thị trường.
- Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng được đặt lên hàng đầu.

Kết luận:

HĐQT đã thực hiện hợp lệ Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017. Các Nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ theo đúng thẩm quyền, nội dung các Nghị quyết này tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật nhà nước Việt Nam.

C. Giám sát tình hình tài chính

1. BKS đồng ý với ý kiến của công ty kiểm toán là Công ty TNHH Ernst & Young về báo cáo tài chính của Công ty được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017. Báo cáo tài chính được trình bày trung thực và hợp lý, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành.

Tổng quan số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Báo cáo KQHĐKD	Năm 2017	Năm 2016	Tỷ lệ tăng trưởng
Doanh thu	66,340	44,613	48,7%
Lợi nhuận trước thuế	2,809	2,006	40,1%
Lợi nhuận sau thuế	2,207	1,578	39,8%

ĐVT: Tỷ đồng



2. Các chỉ số cơ bản về tình hình công nợ, vốn vay, tính thanh khoản, hiệu quả sử dụng tài sản, trích lập dự phòng, vốn chủ sở hữu đều đạt chuẩn cao; và Kết quả doanh thu và lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vượt chỉ tiêu do ĐHĐCĐ phê duyệt.

D. Giám sát tình hình hoạt động

(a) Hoạt động quản trị rủi ro

Hoạt động quản trị rủi ro năm 2017 của Công ty đã có sự phát triển đáng kể và gắn bó chặt chẽ hơn với hoạt động kinh doanh. BKS đã tham gia các đầy đủ các cuộc họp với Ban giám đốc và các cấp quản lý trực tiếp đánh giá rủi ro cấp Công ty và rủi ro liên quan đến quy trình của các phòng ban cũng như thường xuyên trao đổi và đóng góp ý kiến với Ban Lãnh đạo Công ty.

(b) Hoạt động kiểm tra của phòng kiểm soát nội bộ

Phòng kiểm soát nội bộ vẫn tiếp tục là một bộ phận trực thuộc BGD. Kiểm soát nội bộ có đầy đủ nguồn lực cần thiết và quyền tiếp cận thông tin để thực hiện kiểm toán. Kiểm soát nội bộ cũng có quyền tiếp cận trực tiếp tới Chủ tịch HĐQT và BKS để báo cáo về các kết quả kiểm toán.

Phòng kiểm soát nội bộ đã hoàn thành việc kiểm toán các hoạt động sau trong năm 2017:

- Mua hàng và quản lý tồn kho, quản lý chương trình khuyến mãi - Phòng mua hàng
- Bán hàng thu tiền, quy trình đổi trả hàng hóa - Phòng bán hàng
- Quy trình chọn đối tác, nghiệm thu khối lượng và quyết toán chi phí xây dựng - Phòng xây dựng
- Chi phí lương thưởng – Phòng nhân sự
- Chi phí marketing và quảng cáo – Phòng marketing
- Chi phí trang thiết bị công nghệ thông tin – Phòng công nghệ thông tin
- Chi phí vận hành khác (Logistics, internet...)

Kết quả đánh giá sự tuân thủ pháp luật, điều lệ và các quy định

BKS nhận thấy không có rủi ro trọng yếu trong hệ thống kiểm soát nội bộ cũng như việc tuân

thủ pháp luật, điều lệ, quy định của các nhân viên và quản lý Công ty. Trong năm 2017, các phát hiện kiểm toán đã được xác định trách nhiệm và đưa vào tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của từng cá nhân liên quan, giúp nâng cao đáng kể ý thức về tuân thủ của các cấp quản lý và nhân viên. Các kế hoạch hành động nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm soát theo khuyến nghị của kiểm soát nội bộ cũng được các khối điều hành trong Công ty triển khai đầy đủ.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

BKS sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kiểm tra giám sát thông qua kiểm soát nội bộ, Kiểm toán độc lập và các hoạt động trực tiếp của các thành viên BKS.

1. Kiểm soát nội bộ

Phòng kiểm soát nội bộ sẽ tiếp tục kiểm tra dựa trên danh mục rủi ro của Công ty, đảm bảo hoạt động kiểm soát nội bộ được thực hiện đối với những rủi ro kinh doanh quan trọng nhất. Phạm vi kiểm toán sẽ được mở rộng nhiều hơn nhằm nâng cao ý thức tuân thủ của các nhân viên và quản lý toàn Công ty.

2. Giám sát hoạt động của HĐQT và BGD

- Tham gia các cuộc họp định kỳ với HĐQT, BGD và giám sát việc thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông năm 2018.
- Đảm bảo mọi nghị quyết, quyết định của HĐQT, BGD phù hợp với điều lệ của công ty và Luật pháp Việt Nam.
- Giám sát hoạt động kinh doanh công ty đi đúng theo chiến lược kinh doanh đã trình trong đại hội.

3. Kiểm toán độc lập

BKS sẽ tiếp tục duy trì kênh thông tin hiệu quả với Kiểm toán độc lập, chủ động giám sát chất lượng và cập nhật kịp thời các kết quả kiểm toán báo cáo tài chính.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

CHI TIẾT GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ/ NGƯỜI LIÊN QUAN

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng,..)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
I Nguyễn Đức Tài							
1	Nguyễn Đức Tài		7,803,894	2.46%	8,199,844	2.59%	Nhận cổ phiếu phát hành ESOP
2	Nguyễn Đức Tài		3,901,947	1.23%	7,803,894	2.46%	Nhận cổ phiếu thưởng
II Trần Huy Thanh Tùng							
1	Trần Huy Thanh Tùng		4,196,124	1.32%	4,488,614	1.42%	Nhận cổ phiếu phát hành ESOP
2	Trần Huy Thanh Tùng		2,098,062	0.66%	4,196,124	1.32%	Nhận cổ phiếu thưởng
III Điều Chính Hải Triều							
1	Điều Chính Hải Triều		1,428,755	0.45%	2,857,510	0.90%	Nhận cổ phiếu thưởng
IV Trần Kinh Doanh							
1	Trần Kinh Doanh		2,000,000	0.63%	2,554,320	0.81%	Nhận cổ phiếu phát hành ESOP
2	Trần Kinh Doanh		1,000,000	0.32%	2,000,000	0.63%	Nhận cổ phiếu thưởng
3	Trần Kinh Doanh		1,400,000	0.44%	1,000,000	0.32%	Bán
V Đặng Minh Lượm							
1	Đặng Minh Lượm		309,220	0.10%	597,968	0.19%	Nhận cổ phiếu phát hành ESOP
2	Đặng Minh Lượm		409,220	0.13%	309,220	0.10%	Bán
3	Đặng Minh Lượm		204,610	0.06%	409,220	0.13%	Nhận cổ phiếu thưởng



STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đồng nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng,..)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
VI	Vũ Đăng Linh						
1	Vũ Đăng Linh		158,008	0.05%	222,058	0.07%	Nhận cổ phiếu phát hành ESOP
2	Vũ Đăng Linh		160,008	0.05%	158,008	0.05%	Bán
3	Vũ Đăng Linh		184,578	0.06%	160,008	0.05%	Bán
4	Vũ Đăng Linh		214,578	0.07%	184,578	0.06%	Bán
5	Vũ Đăng Linh		107,289	0.03%	214,578	0.07%	Nhận cổ phiếu thưởng
6	Vũ Đăng Linh		148,858	0.05%	107,289	0.03%	Bán
VII	Lý Trần Kim Ngân						
1	Lý Trần Kim Ngân		78,422	0.02%	113,772	0.04%	Nhận cổ phiếu phát hành ESOP
2	Lý Trần Kim Ngân		82,422	0.03%	78,422	0.02%	Bán
3	Lý Trần Kim Ngân		113,422	0.04%	82,422	0.03%	Bán
4	Lý Trần Kim Ngân		56,711	0.02%	113,422	0.04%	Nhận cổ phiếu thưởng
VIII	Nguyễn Thị Thu Thảo	Em gái					
1	Nguyễn Thị Thu Thảo		150,426	0.05%	197,176	0.06%	Nhận cổ phiếu phát hành ESOP
2	Nguyễn Thị Thu Thảo		75,213	0.02%	150,426	0.05%	Nhận cổ phiếu thưởng
IX	Nguyễn Thị Thu Tâm	Em gái					
1	Nguyễn Thị Thu Tâm		94,734	0.03%	120,864	0.04%	Nhận cổ phiếu phát hành ESOP
2	Nguyễn Thị Thu Tâm		47,367	0.01%	94,734	0.03%	Nhận cổ phiếu thưởng



STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đồng nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng,..)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
X	Trần Huy Thanh Đại	Em trai					
1	Trần Huy Thanh Đại		27,734	0.01%	44,284	0.01%	Nhận cổ phiếu phát hành ESOP
2	Trần Huy Thanh Đại		37,734	0.01%	27,734	0.01%	Bán
3	Trần Huy Thanh Đại		18,867	0.01%	37,734	0.01%	Nhận cổ phiếu thưởng
XI	Trần Huy Đông	Em trai					
1	Trần Huy Đông		18,884	0.01%	32,094	0.01%	Nhận cổ phiếu phát hành ESOP
2	Trần Huy Đông		9,442	0.00%	18,884	0.01%	Nhận cổ phiếu thưởng
XII	MEKONG ENTERPRISE FUND II, LTD						
1	MEKONG ENTERPRISE FUND II, LTD		8,000,000	2.52%	5,000,000	1.58%	Bán
2	MEKONG ENTERPRISE FUND II, LTD		11,000,000	3.47%	8,000,000	2.52%	Bán
3	MEKONG ENTERPRISE FUND II, LTD		14,000,000	4.42%	11,000,000	3.47%	Bán
4	MEKONG ENTERPRISE FUND II, LTD		7,000,000	2.21%	14,000,000	4.42%	Nhận cổ phiếu thưởng
5	MEKONG ENTERPRISE FUND II, LTD		8,000,000	2.52%	7,000,000	2.21%	Bán
XIII	CDH ELECTRIC BEE LIMITED						
1	CDH ELECTRIC BEE LIMITED		2,949,254	0.93%	2,469,624	0.78%	Bán
2	CDH ELECTRIC BEE LIMITED		4,949,254	1.56%	2,949,254	0.93%	Bán
3	CDH ELECTRIC BEE LIMITED		2,474,627	0.78%	4,949,254	1.56%	Bán
4	CDH ELECTRIC BEE LIMITED		4,724,627	1.49%	2,474,627	0.78%	Bán



THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

STT	Đối tượng	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông sáng lập	99,691,378	32.3%	5	-	5
	Trong nước	99,691,378	32.3%	5	-	5
	Nước ngoài	-	0.0%	-	-	-
2	Các quỹ đầu tư trước niêm yết	7,469,624	2.4%	2	2	-
	Trong nước		0.0%	-	-	-
	Nước ngoài	7,469,624	2.4%	2	2	-
3	Các nhà đầu tư lớn (trên 5%) sau niêm yết					-
	Trong nước	-	-	-	-	-
	Nước ngoài	-	-	-	-	-
4	Quản lý và Nhân viên MWG	29,242,589	9.2%	2,759	-	2,759
	Trong nước	29,242,589	9.2%	2,759	-	2,759
	Nước ngoài		0.0%	-	-	-
5	Các nhà đầu tư khác	180.328.988	56.1%	6,481	180	6,301
	Trong nước	32,474,279	9.5%	6,331	66	6,265
	Nước ngoài	147,854,709	46.6%	150	114	36

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 31 Thông tin chung
- 32 Báo cáo của Ban giám đốc
- 33 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 34 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 36 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 37 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 39 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103012275 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lầu 5, Tòa nhà E-Town 2, Số 364, Đường Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có bốn (4) công ty con là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động, Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành viên Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động và MWG (Cambodia) Co., Ltd. (“Nhóm Công ty”). Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty nắm 99,95% phần vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động, 99,95% phần vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh, 100% phần vốn chủ sở hữu trong Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành viên Công nghệ thông tin Thế giới Di Động và 100% quyền biểu quyết gián tiếp tại MWG (Cambodia) Co., Ltd.

Lĩnh vực hoạt động chủ yếu trong năm hiện tại của Nhóm Công ty là mua bán, bảo hành, sửa chữa: thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại; máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan; và bán lẻ tại các cửa hàng của Nhóm công ty bao gồm các mặt hàng thực phẩm, đồ uống, thực phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán “MWG” theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch
Ông Trần Lê Quân	Thành viên

Ông Điều Chính Hải Triều	Thành viên
Ông Chris Freund	Thành viên
Ông Thomas Lanyi	Thành viên
Ông Trần Kinh Doanh	Thành viên
Ông Robert Willet	Thành viên
Ông Đặng Minh Lượm	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Huy Thanh Tùng	Trưởng ban	
Ông Hoàng Hữu Hưng	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2017)
Ông Hoàng Xuân Thắng	Thành viên	(từ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2017)
Ông Nguyễn Khánh Vân	Thành viên	

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Trọng	Giám đốc Kỹ thuật	(bổ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2017)
Ông Điều Chính Hải Triều	Giám đốc Kỹ thuật	(từ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2017)
Ông Vũ Đăng Linh	Giám đốc Tài chính	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Đức Tài.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc



Ông Nguyễn Đức Tài

Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 5 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 61110221/19356378-HN

Kính gửi:

Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty") được lập ngày 5 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý



Ernst & Young Vietnam limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Ernest Yoong Chin Kang

Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
số: 1891-2018-004-1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nguyễn Thanh Sang

Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1541-2018-004-1

Ngày 5 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

B01-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

MÃ SỐ	TÀI SẢN	T.M	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		18.862.861.306.281	12.288.142.407.269
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	3.410.983.351.393	996.983.462.012
111	1. Tiền		2.189.863.295.952	994.084.241.883
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.221.120.055.441	2.899.220.129
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.765.847.815.554	1.410.642.874.572
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.431.776.840.141	243.463.945.511
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	117.942.038.760	315.210.181.153
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	84.700.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.131.428.936.653	851.968.747.908
140	III. Hàng tồn kho	9	12.050.162.650.982	9.370.731.749.778
141	1. Hàng tồn kho		12.309.955.461.929	9.513.657.569.828
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(259.792.810.947)	(142.925.820.050)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		635.867.488.352	509.784.320.907
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	338.169.643.457	207.882.145.656
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		297.598.157.759	301.899.675.251
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		99.687.136	2.500.000

MÃ SỐ	TÀI SẢN	T.M	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.959.802.908.939	2.566.120.825.722
210	I. Phải thu dài hạn		242.115.970.118	179.685.175.407
216	1. Phải thu dài hạn khác	11	242.115.970.118	179.685.175.407
220	II. Tài sản cố định		3.463.657.994.935	2.096.423.249.031
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	3.435.848.333.299	2.069.808.781.368
222	Nguyên giá		4.832.699.906.378	2.784.487.122.434
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.396.851.573.079)	(714.678.341.066)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	27.809.661.636	26.614.467.663
228	Nguyên giá		32.779.467.144	31.108.130.144
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.969.805.508)	(4.493.662.481)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		35.457.406.785	80.420.562.147
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	35.457.406.785	80.420.562.147
260	IV. Tài sản dài hạn khác		218.571.537.101	209.591.839.137
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	97.701.063.493	123.544.885.549
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	120.870.473.608	83.541.781.452
269	3. Lợi thế thương mại	16	-	2.505.172.136
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		22.822.664.215.220	14.854.263.232.991

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TT)

B01-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

MÃ SỐ	NGUỒN VỐN	T.M	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		16.913.747.880.005	11.012.905.506.628
310	I. Nợ ngắn hạn		15.713.814.885.175	11.012.905.506.628
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	7.373.229.669.492	4.680.038.863.685
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		22.475.498.439	20.044.459.341
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	137.421.612.285	152.824.005.918
314	4. Phải trả người lao động		133.725.111.318	91.329.782.829
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	1.585.372.350.657	903.458.117.123
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	807.310.112.729	334.546.042.947
320	7. Vay ngắn hạn	21	5.603.505.990.526	4.788.991.746.757
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		45.824.539.729	36.722.488.028
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.950.000.000	4.950.000.000
330	II. Nợ dài hạn		1.199.932.994.830	-
338	1. Vay dài hạn	21	1.199.932.994.830	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.908.916.335.215	3.841.357.726.363
410	I. Vốn chủ sở hữu		5.908.916.335.215	3.841.357.726.363
411	1. Vốn cổ phần	20.1	3.169.884.370.000	1.539.509.270.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.169.884.370.000	1.539.509.270.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	22.1	36.717.698.286	36.717.698.286
414	3. Vốn khác	22.1	1.130.494.084	1.130.494.084

MÃ SỐ	NGUỒN VỐN	T.M	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
415	4. Cổ phiếu quỹ	22.1	(79.164.500)	(79.164.500)
417	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	22.1	(86.063.365)	-
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.1	2.698.572.748.459	2.261.763.398.339
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước		492.893.118.039	684.390.972.000
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		2.205.679.630.420	1.577.372.426.339
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		2.776.252.251	2.316.030.154
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		22.822.664.215.220	14.854.263.232.991

Lý Trần Kim Ngân
 Người lập
 Ngày 5 tháng 3 năm 2018

Vũ Đăng Linh
 Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đức Tài
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

B02-DN/HN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	T.M	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	67.698.540.686.709	45.612.676.802.016
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(1.358.736.494.531)	(999.344.129.028)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	66.339.804.192.178	44.613.332.672.988
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(55.198.024.925.235)	(37.399.226.360.426)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.141.779.266.943	7.214.106.312.562
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	250.509.808.127	135.327.700.732
22	7. Chi phí tài chính	24	(234.286.596.275)	(120.085.861.346)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(233.202.340.492)	(119.645.695.306)
25	8. Chi phí bán hàng	25, 27	(7.017.061.321.366)	(4.287.696.260.226)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26, 27	(1.345.497.381.559)	(934.776.941.124)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.795.443.775.870	2.006.874.950.598
31	11. Thu nhập khác		17.684.643.400	31.129.990.083
32	12. Chi phí khác		(3.816.386.624)	(32.090.825.758)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác		13.868.256.776	(960.835.675)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.809.312.032.646	2.005.914.114.923
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(639.743.605.453)	(495.800.545.472)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28.3	37.328.692.156	68.137.051.386
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		2.206.897.119.349	(1.578.250.620.837)

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	T.M	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		2.205.679.630.420	1.577.372.426.339
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		1.217.488.929	878.194.498
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	7.162	5.248
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	29	7.162	5.248


Lý Trần Kim Ngân

Người lập

Ngày 5 tháng 3 năm 2018


Vũ Đăng Linh

Giám đốc Tài chính

**Nguyễn Đức Tài**

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

B03-DN/HN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	T.M	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		2.809.312.032.646	2.005.914.114.923
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	12, 13, 16	689.713.708.632	386.634.522.356
03	Dự phòng		125.969.042.598	78.431.491.258
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		911.764.559	(91.382.580)
05	Lỗ (lãi) từ hoạt động đầu tư		(35.336.741.307)	2.261.763
06	Chi phí lãi vay	24	233.202.340.492	119.645.695.306
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.823.772.147.620	2.590.536.703.026
09	Tăng các khoản phải thu		(1.322.949.244.960)	(989.517.728.630)
10	Tăng hàng tồn kho		(2.796.297.892.101)	(4.503.949.077.200)
11	Tăng các khoản phải trả		3.970.336.761.157	3.124.564.571.480
12	Tăng chi phí trả trước		(96.805.747.662)	(164.867.267.201)
14	Tiền lãi vay đã trả		(223.723.867.627)	(112.394.627.462)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(690.668.199.572)	(530.854.203.913)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		2.663.663.956.855	(586.481.629.900)

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	T.M	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(2.065.069.567.410)	(1.278.788.918.537)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		180.000.000	951.588.323
23	Tiền chi cho vay		(210.280.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay		125.580.000.000	-
27	Lãi tiền gửi		29.374.580.928	1.799.386.697
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(2.120.214.986.482)	(1.276.037.943.517)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		92.226.480.000	-
	Vốn góp của cổ đông không kiểm soát		240.000.000	-
32	Mua lại cổ phiếu		-	(315.300.000)
33	Tiền thu từ đi vay		29.465.789.268.692	19.961.551.061.988
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(27.456.000.269.116)	(17.225.505.287.912)
36	Cổ tức đã trả		(231.718.927.130)	(220.130.282.800)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.870.536.552.446	2.515.600.191.276

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TT)

B03-DN/HN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	T.M	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
50	Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		2.413.985.522.819	653.080.617.859
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		996.983.462.012	343.872.968.705
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		14.366.562	29.875.448
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	3.410.983.351.393	996.983.462.012



Lý Trần Kim Ngân

Người lập

Ngày 5 tháng 3 năm 2017



Vũ Đăng Linh

Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đức Tài

Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103012275 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lầu 5, Tòa nhà E-Town 2, Số 364, Đường Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Lĩnh vực hoạt động chủ yếu trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) là mua bán, bảo hành, sửa chữa: thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại; máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan; và bán lẻ tại các cửa hàng của Nhóm công ty bao gồm các mặt hàng thực phẩm, đồ uống, thực phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán “MWG” theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 36.806 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 26.207).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có bốn (4) công ty con:

- Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (“TGDĐ”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103005841 do Sở

Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007. TGDĐ có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty nắm 99,95% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

- Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh (“BHX”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310471746 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 11 năm 2010. BHX có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty nắm 99,95% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.
- MWG (Cambodia) Co., Ltd. (“TGDĐ Cambodia”) là một công ty cổ phần nội bộ được thành lập theo Luật Thương mại và Luật Doanh nghiệp, Luật Dân sự và Hình sự của Vương quốc Campuchia theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 00020766 do Bộ Thương mại của Vương quốc Campuchia cấp ngày 26 tháng 10 năm 2016. TGDĐ Cambodia có trụ sở chính tại Số 12, Phố 478, Xã Toul Tompoung I, Quận Chamkamon, Thủ đô Phnôm Pênh, Vương quốc Campuchia. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty nắm 100% quyền biểu quyết gián tiếp tại công ty con này.
- Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn Một Thành viên Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động (“TGDĐ IT”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 03144720012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 5 năm 2017. TGDĐ IT có trụ sở chính tại Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Phường Tân Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- » Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- » Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- » Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- » Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- » Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi các cổ đông Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, với giá trị được xác định như sau:

Điện thoại di động và máy tính xách tay	- Giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Thiết bị kỹ thuật số điện tử	- Giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Phụ kiện	- Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thiết bị gia dụng	- Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thực phẩm, đồ uống	- Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Khác	- Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- » Chi phí tiền thuê trả trước; và
- » Công cụ dụng cụ xuất dùng;

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng vô thời hạn thì không tính khấu hao.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Lợi thế thương mại	3 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	Vô thời hạn

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm khi phát sinh.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán

THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.11 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.14 Thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3.15 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng

cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3.17 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Nhóm Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những Nhóm thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

3.18 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động kinh doanh mua bán, bảo hành, sửa chữa: thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện có liên quan trong lãnh thổ Việt Nam chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty, do vậy Ban Giám đốc giả định rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh mua bán, bảo hành, sửa chữa: thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện có liên quan và một bộ phận chia theo vùng địa lý trọng yếu là Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tiền mặt	1.092.388.965.114	495.636.236.091
Tiền gửi ngân hàng	1.056.051.622.599	468.894.254.911
Tiền đang chuyển	41.422.708.239	29.553.750.881
Các khoản tương đương tiền (*)	1.221.120.055.441	2.899.220.129
TỔNG CỘNG	3.410.983.351.393	996.983.462.012

Tiền gửi ngân hàng trị giá 35.077.530.828 VND được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại một ngân hàng thương mại (Thuyết minh 21.2).

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 5,2%/năm đến 6,5%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 30)	914.052.606.819	-
Phải thu các bên khác	517.724.233.322	243.463.945.511
- Công ty Tài Chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam	174.547.697.188	81.672.175.383
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	131.990.737.564	56.759.424.440
- Các bên khác	211.185.798.570	105.032.345.688
TỔNG CỘNG	1.431.776.840.141	243.463.945.511

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU CHO VAY NGẮN HẠN

Phải thu cho vay ngắn hạn thể hiện khoản cho Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh, bên liên quan, vay và hưởng tiền lãi theo lãi suất 5%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Thuyết minh số 30).

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 30)	34.401.056.088	245.765.162.382
Trả trước cho các bên khác	83.540.982.672	69.445.018.771
TỔNG CỘNG	117.942.038.760	315.210.181.153

8. PHẢI THU NGÂN KHÁC

VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Phải thu từ các nhà cung cấp (i)	1.063.322.385.503	816.604.354.365
- Công ty TNHH Samsung Điện tử Việt Nam Thái Nguyên	199.279.645.229	235.640.969.713
- Công Ty TNHH Sony Electronics Việt Nam	165.911.189.875	92.642.140.933
- Công ty TNHH Điện Tử Samsung HCMC CE Complex	148.882.415.172	-
- Khác	549.249.135.227	488.321.243.719
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 30)	5.515.383.167	-
Các khoản phải thu khác	62.591.167.983	35.364.393.543
TỔNG CỘNG	1.131.428.936.653	851.968.747.908

(i) Phải thu từ các nhà cung cấp bao gồm phần lớn là các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán và bảo vệ giá.

9. HÀNG TỒN KHO

VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Thiết bị điện tử	5.227.298.028.691	2.962.043.154.821
Điện thoại di động	4.128.119.091.434	4.445.340.978.253
Thiết bị gia dụng	1.228.030.161.503	647.938.031.833
Phụ kiện	761.201.669.164	627.037.627.344
Máy tính xách tay	283.325.343.909	250.306.111.945
Máy tính bảng	194.501.360.792	309.711.179.492
Thẻ cào	104.188.200.292	103.148.153.561
Hàng đang chuyển	16.338.976.130	21.295.394.429
Hàng hóa khác	366.952.630.014	146.836.938.150
TỔNG CỘNG	12.309.955.461.929	9.513.657.569.828
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(259.792.810.947)	(142.925.820.050)
GIÁ TRỊ THUẦN	12.050.162.650.982	9.370.731.749.778

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<i>Cộng:</i> Dự phòng trích lập trong năm	(259.792.810.947)	(142.925.820.050)
<i>Trừ:</i> Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	142.925.820.050	77.023.650.329
Số cuối năm	(259.792.810.947)	(142.925.820.050)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện chi phí thuê và thành lập văn phòng và các trung tâm phân phối.

THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác chủ yếu thể hiện chi phí ký quỹ dài hạn của văn phòng, cửa hàng và các trung tâm phân phối.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI	THIẾT BỊ VĂN PHÒNG	TỔNG CỘNG
Nguyên giá:				
Số đầu năm	2.366.182.541.202	64.889.034.822	353.415.546.410	2.784.487.122.434
Mua trong năm	1.674.716.967.601	19.442.786.696	274.730.983.039	1.968.890.737.336
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	84.124.077.980	-	-	84.124.077.980
Thanh lý trong năm	(3.938.872.499)	(730.544.618)	-	(4.669.417.117)
Phân loại lại	(132.614.255)	-	-	(132.614.255)
Số cuối năm	4.120.952.100.029	83.601.276.900	628.146.529.449	4.832.699.906.378
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	(585.858.829.937)	(11.991.922.101)	(116.827.589.028)	(714.678.341.066)
Khấu hao trong năm	(565.688.021.352)	(21.621.460.867)	(99.422.911.250)	(686.732.393.469)
Thanh lý trong năm	3.811.366.212	730.544.618	-	4.541.910.830
Phân loại lại	17.250.626	-	-	17.250.626
Số cuối năm	(1.147.718.234.451)	(32.882.838.350)	(216.250.500.278)	(1.396.851.573.079)
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	1.780.323.711.265	52.897.112.721	236.587.957.382	2.069.808.781.368
Số cuối năm	2.973.233.865.578	50.718.438.550	411.896.029.171	3.435.848.333.299

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY TÍNH	SỐ CUỐI NĂM
Nguyên giá:			
Số đầu năm	25.998.878.500	5.109.251.644	31.108.130.144
Mua trong năm	-	1.671.337.000	1.671.337.000
Số cuối năm	25.998.878.500	6.780.588.644	32.779.467.144
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	-	(4.493.662.481)	(4.493.662.481)
Hao mòn trong năm	-	(476.143.027)	(476.143.027)
Số cuối năm	-	(4.969.805.508)	(4.969.805.508)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	25.998.878.500	615.589.163	26.614.467.663
Số cuối năm	25.998.878.500	1.810.783.136	27.809.661.636

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu thể hiện chi phí thành lập cửa hàng và trung tâm phân phối.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Chi phí thuê cửa hàng	43.029.968.272	28.260.409.953
Chi phí thiết kế, bài trí mới các cửa hàng	25.134.173.951	73.577.915.542
Thiết bị có giá trị nhỏ	29.536.921.270	21.706.560.054
TỔNG CỘNG	97.701.063.493	123.544.885.549

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND
Nguyên giá:	
Số đầu năm và số cuối năm	30.159.070.256
Giá trị phân bổ lũy kế:	
Số đầu năm	(27.653.898.120)
Phân bổ trong năm	(2.505.172.136)
Số cuối năm	(30.159.070.256)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	2.505.172.136
Số cuối năm	-

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Phải trả các nhà cung cấp khác	7.312.177.575.893	4.680.038.863.685
- Công ty TNHH Apple Việt Nam	1.057.271.479.660	919.562.627.843
- Công ty TNHH Sony Electronics Việt Nam	971.313.066.162	389.171.907.228
- Khác	5.283.593.030.071	3.371.304.328.614
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)	61.052.093.599	-
TỔNG CỘNG	7.373.229.669.492	4.680.038.863.685

THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	SỐ ĐẦU NĂM	TĂNG TRONG NĂM	GIẢM TRONG NĂM	SỐ CUỐI NĂM
Thuế TNDN phải nộp	137.703.399.355	639.743.605.453	(690.668.199.572)	86.778.805.236
Thuế giá trị gia tăng	4.875.000	8.800.264.150.348	(8.800.269.025.348)	-
Thuế thu nhập cá nhân	14.141.201.245	168.991.710.215	(134.627.179.239)	48.505.732.221
Khác	974.530.318	13.481.651.235	(12.319.106.725)	2.137.074.828
TỔNG CỘNG	152.824.005.918	9.622.481.117.251	(9.637.883.510.884)	137.421.612.285

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Các khoản thưởng phải trả nhân viên	1.237.748.686.431	687.786.650.541
Chi phí hỗ trợ lãi suất	141.659.122.724	102.319.199.830
Các khoản phải trả nhân viên	60.471.906.144	26.012.634.608
Chi phí tiếp thị quảng cáo	33.664.343.639	17.171.005.348
Chi phí dịch vụ sửa chữa bảo hành	26.148.557.813	24.457.547.146
Chi phí vận chuyển	19.422.412.855	19.593.657.748
Khác	66.257.321.051	26.117.421.902
TỔNG CỘNG	1.585.372.350.657	903.458.117.123

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Thu hộ cước phí	687.624.275.306	169.294.130.134
Thu hộ tiền trả góp	35.003.395.257	113.820.181.025
Ký quỹ	27.241.017.382	21.128.379.574
Phiếu mua hàng	20.119.606.000	16.207.275.000
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	13.374.171.805	7.618.274.787
Các khoản phải trả khác	23.947.646.979	6.477.802.427
TỔNG CỘNG	807.310.112.729	334.546.042.947

THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY NGẮN HẠN

VND

	SỐ ĐẦU NĂM	TĂNG TRONG NĂM	GIẢM TRONG NĂM	PHÂN LOẠI LẠI	SỐ CUỐI NĂM
Vay ngắn hạn					
Vay ngân hàng ngắn hạn (Thuyết minh 21.1)	4.788.991.746.757	28.195.514.512.885	(27.456.000.269.116)	-	5.528.505.990.526
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 21.2)	-	-	-	75.000.000.000	75.000.000.000
	4.788.991.746.757	28.195.514.512.885	(27.456.000.269.116)	75.000.000.000	5.603.505.990.526
Vay dài hạn					
Trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh 21.3)	-	1.113.056.666.666	-	-	1.113.056.666.666
Vay ngân hàng dài hạn (Thuyết minh 21.2)	-	161.876.328.164	-	(75.000.000.000)	86.876.328.164
	-	1.274.932.994.830	-	(75.000.000.000)	1.199.932.994.830
TỔNG CỘNG	4.788.991.746.757	29.470.447.507.715	(27.456.000.269.116)	-	6.803.438.985.356

THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp với lãi suất thả nổi này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

BÊN CHO VAY	SỐ CUỐI NĂM VND	NGUYÊN TỆ		KỲ HẠN TRẢ GỐC VÀ LÃI
		VND	USD	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	1.191.642.002.853	1.191.642.002.853	-	từ ngày 15 tháng 1 năm 2018 đến ngày 26 tháng 2 năm 2018
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	867.849.791.771	867.849.791.771	-	từ ngày 22 tháng 1 năm 2018 đến ngày 26 tháng 3 năm 2018
ANZ Banking Group Limited - Singapore Branch	645.222.330.121	-	28.380.133	từ ngày 8 tháng 1 năm 2018 đến ngày 13 tháng 2 năm 2018
Ngân hàng BNP Paribas - Chi nhánh Hồ Chí Minh	557.583.282.476	557.583.282.476	-	từ ngày 1 tháng 2 năm 2018 đến ngày 29 tháng 3 năm 2018
Ngân hàng TNHH Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Hà Nội	548.586.305.418	548.586.305.418	-	từ ngày 2 tháng 1 năm 2018 đến ngày 22 tháng 3 năm 2018
Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation - Chi nhánh Hồ Chí Minh	444.982.416.989	444.982.416.989	-	từ ngày 24 tháng 2 năm 2018 đến ngày 28 tháng 3 năm 2018
Ngân hàng TNHH Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Hồ Chí Minh	222.250.827.843	222.250.827.843	-	từ ngày 12 tháng 2 năm 2018 đến ngày 29 tháng 3 năm 2018
Standard Chartered Bank (Mauritius) Limited	217.829.995.890	-	9.581.262	từ ngày 8 tháng 1 năm 2018 đến ngày 12 tháng 2 năm 2018
Standard Chartered Bank – Singapore Branch	215.466.574.350	-	9.476.114	từ ngày 12 tháng 2 năm 2018 đến ngày 13 tháng 2 năm 2018
Ngân hàng TMCP Quân Đội	135.574.533.600	135.574.533.600	-	ngày 27 tháng 2 năm 2018
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	131.857.407.770	131.857.407.770	-	ngày 29 tháng 1 năm 2018
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	101.062.989.550	101.062.989.550	-	từ ngày 8 tháng 1 năm 2018 đến ngày 13 tháng 2 năm 2018
Ngân hàng Citibank N.A - Chi nhánh Hà Nội	98.550.611.377	98.550.611.377	-	từ ngày 12 tháng 1 năm 2018 đến ngày 2 tháng 2 năm 2018
Ngân hàng Malayan Berhad - Chi nhánh Hồ Chí Minh	66.890.538.223	66.890.538.223	-	ngày 11 tháng 1 năm 2018
Ngân hàng Malayan Berhad - Chi nhánh Hà Nội	42.038.072.695	42.038.072.695	-	ngày 11 tháng 1 năm 2018
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	41.118.309.600	41.118.309.600	-	ngày 27 tháng 2 năm 2018
TỔNG CỘNG	5.528.505.990.526	4.449.987.090.165	47.437.509	

THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21.2 Vay dài hạn ngân hàng

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

VND

BÊN CHO VAY	SỐ CUỐI NĂM VND	KỶ HẠN TRẢ GỐC VÀ LÃI	LÃI SUẤT	HÌNH THỨC ĐẢM BẢO
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)	161.876.328.164	Ngày 4 tháng 8 năm 2017 đến ngày 4 tháng 8 năm 2020	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 1 tháng cộng 3%/năm	Tiền gửi tại ngân hàng (Thuyết minh 4)
<i>Trong đó:</i>				
- Vay dài hạn đến hạn trả	75.000.000.000			
- Vay dài hạn	86.876.328.164			

21.3 Trái phiếu thường trong nước

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

TRÁI CHỦ	SỐ TIỀN (VND)	LÃI SUẤT (%/NĂM)	NGÀY ĐÁO HẠN	MỤC ĐÍCH	TÀI SẢN ĐẢM BẢO
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	470.000.000.000	6,55	Ngày 17 tháng 11 năm 2022	Bổ sung nhu cầu vốn đầu tư	Tín chấp
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	450.000.000.000				
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam)	100.000.000.000				
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam	45.000.000.000				
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam	40.000.000.000				
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	30.000.000.000				
Chi phí phát hành trái phiếu	(21.943.333.334)				
TỔNG CỘNG	1.113.056.666.666				

Trái phiếu thường trong nước được thu xếp phát hành bởi Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) và được bảo lãnh bởi Credit Guarantee and Investment Facility - quỹ đầu tư tín thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á. Phí bảo lãnh là 1,5%/năm.

THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

BÊN CHO VAY							VND
	VỐN CỔ PHẦN	THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN	CỔ PHIẾU QUỸ	CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI	VỐN KHÁC	TỔNG CỘNG
Năm trước:							
Số đầu năm	1.468.889.740.000	36.717.698.286	(2.454.294.500)	-	977.630.195.800	1.130.494.084	2.481.913.833.670
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.577.372.426.339	-	1.577.372.426.339
Chia cổ tức	-	-	-	-	(219.929.263.800)	-	(219.929.263.800)
Phát hành cổ phiếu ESOP	70.619.530.000	-	2.690.430.000	-	(73.309.960.000)	-	-
Mua lại cổ phiếu	-	-	(315.300.000)	-	-	-	(315.300.000)
Số cuối năm	1.539.509.270.000	36.717.698.286	(79.164.500)	-	2.261.763.398.339	1.130.494.084	3.839.041.696.209
Năm nay:							
Số đầu năm	1.539.509.270.000	36.717.698.286	(79.164.500)	-	2.261.763.398.339	1.130.494.084	3.839.041.696.209
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	2.205.679.630.420	-	2.205.679.630.420
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(230.721.660.300)	-	(230.721.660.300)
Phát hành cổ phiếu thưởng (**)	1.538.148.620.000	-	-	-	(1.538.148.620.000)	-	-
Phát hành cổ phiếu ESOP (***)	92.226.480.000	-	-	-	-	-	92.226.480.000
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(86.063.365)	-	-	(86.063.365)
Số cuối năm	3.169.884.370.000	36.717.698.286	(79.164.500)	(86.063.365)	2.698.572.748.459	1.130.494.084	5.906.140.082.964

(*) Trong năm, Công ty đã trả cổ tức với giá trị là 230.721.660.300 VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01_2017/NQĐHĐCĐ/TGDĐ ngày 31 tháng 3 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

(**) Vào ngày 26 tháng 5 năm 2017, Công ty đã phát hành 153.814.862 cổ phiếu thưởng mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu với tổng giá trị là 1.538.148.620.000 VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty cho các cổ đông hiện hữu của Công ty với tỷ lệ thực hiện là 1:1 (phát hành 1 cổ phiếu mới cho mỗi 1 cổ phiếu đang được cổ đông nắm giữ) theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01_2017/ĐHĐCĐ/TGĐĐ ngày 31 tháng 3 năm 2017. Vào ngày 21 tháng 6 năm 2017, Công ty đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cho lần phát hành cổ phiếu trên.

(***) Vào ngày 22 tháng 12 năm 2017, Công ty đã phát hành 9.222.648 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") trong Công ty và các công ty con mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu với tổng giá trị là 92.226.480.000 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01_2017/ĐHĐCĐ/TGĐĐ ngày 31 tháng 3 năm 2017. Vào ngày 5 tháng 3 năm 2018, Công ty đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cho lần phát hành cổ phiếu trên.

22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	SỐ CỔ PHIẾU
Số đầu năm	153.950.927
Tăng vốn trong năm	163.037.510
Số cuối năm	316.988.437

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

22.3 Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông

	SỐ CUỐI NĂM SỐ CỔ PHIẾU	SỐ ĐẦU NĂM SỐ CỔ PHIẾU
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	316.988.437	153.950.927
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	316.988.437	153.950.927
Số lượng cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(234.160)	(48.670)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	316.754.277	153.902.257

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Tổng doanh thu	67.698.540.686.709	45.612.676.802.016
Trong đó:		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	67.117.558.601.292	45.292.636.706.396
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	580.982.085.417	320.040.095.620
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.358.736.494.531)	(999.344.129.028)
Trong đó:		
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(1.358.736.494.531)	(999.344.129.028)
Doanh thu thuần	66.339.804.192.178	44.613.332.672.988

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23.2 Doanh thu tài chính

	VND	
	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chiết khấu thanh toán	215.225.365.033	133.294.392.764
Lãi tiền gửi	35.284.247.594	1.799.386.698
Lãi chênh lệch tỷ giá	195.500	233.921.270
TỔNG CỘNG	250.509.808.127	135.327.700.732

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí lãi vay	233.202.340.492	119.645.695.306
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.058.093.283	440.166.040
Khác	26.162.500	-
TỔNG CỘNG	234.286.596.275	120.085.861.346

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí nhân công	3.633.714.629.390	2.155.976.271.538
Chi phí khấu hao và hao mòn	677.599.450.628	369.160.142.361
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.239.009.502.968	1.418.832.111.352
Chi phí khác	466.737.738.380	343.727.734.975
TỔNG CỘNG	7.017.061.321.366	4.287.696.260.226

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí nhân công	1.286.336.464.061	890.512.958.739
Chi phí khấu hao và hao mòn	12.114.258.004	17.474.379.994
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.502.418.413	16.538.841.283
Chi phí khác	17.544.241.081	10.250.761.108
TỔNG CỘNG	1.345.497.381.559	934.776.941.124

27. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Giá vốn hàng bán	55.198.024.925.235	37.399.226.360.426
Chi phí nhân công	4.920.051.093.451	3.046.489.230.277
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 12, 13 và 16)	689.713.708.632	386.634.522.356
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.268.511.921.381	1.435.370.952.635
Chi phí khác	484.281.979.461	353.978.496.082
TỔNG CỘNG	63.560.583.628.160	42.621.699.561.776

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí thuế TNDN hiện hành	639.743.605.453	495.800.545.472
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(37.328.692.156)	(68.137.051.386)
TỔNG CỘNG	602.414.913.297	427.663.494.086

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.809.312.032.646	2.005.914.114.923
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	561.862.406.529	401.182.822.985
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	7.331.673.985	11.865.568.177
Phân bổ lợi thế thương mại	501.034.427	2.004.137.713
Lỗ từ công ty con	32.719.798.356	11.392.466.085
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	1.218.499.126
Chi phí thuế TNDN ước tính	602.414.913.297	427.663.494.086

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

28.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

VND

	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT		BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Các khoản chi phí phải trả	59.733.000.000	47.618.094.926	12.114.905.074	47.618.094.926
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	51.958.562.189	28.585.164.010	23.373.398.179	13.180.433.944
Dự phòng chi phí bảo hành	9.164.907.946	7.344.497.606	1.820.410.340	7.344.497.606
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	14.003.473	(5.975.090)	19.978.563	(5.975.090)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	120.870.473.608	83.541.781.452		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất			37.328.692.156	68.137.051.386

29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	2.205.679.630.420	1.577.372.426.339
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (*)	307.990.494	300.571.004
Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	7.162	5.248

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

(*) Tổng số cổ phiếu bình quân trong năm trước được điều chỉnh do việc phát hành 153.814.862 cổ phiếu thưởng cho các cổ động hiện hữu theo Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ đông số 01_2017/NQĐHĐCĐ/TGDD ngày 31 tháng 3 năm 2017.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

VND

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ	NỘI DUNG NGHIỆP VỤ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Công ty TNHH MTV Xuất Nhập Khẩu Thành Phát	Bên liên quan	Mua hàng hóa	1.422.837.979.414	1.234.753.174.476
Ông Robert Willet	Thành viên Hội đồng Quản trị	Chi phí tư vấn	2.340.816.349	1.918.691.053
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Bên liên quan	Cho vay	863.512.512.486	-
		Mua hàng hóa	210.280.000.000	-
		Mua hàng hóa	55.495.979.346	-
		Lãi cho vay	1.145.194.444	-

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ	NỘI DUNG NGHIỆP VỤ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Phải thu của khách hàng ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Bên liên quan	Bán hàng hóa	914.052.606.819	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Bên liên quan	Cho vay	84.700.000.000	-
Ứng trước cho nhà cung cấp ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Xuất Nhập Khẩu Thành Phát	Bên liên quan	Mua hàng hóa	34.401.056.088	245.765.162.382
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Bên liên quan	Chi trả hộ	4.370.188.723	-
		Lãi dự thu	1.145.194.444	-
TỔNG CỘNG			5.515.383.167	-
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Bên liên quan	Mua hàng hóa	61.052.093.599	-

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lương và thưởng	10.205.805.427	10.976.679.410

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng và các trung tâm phân phối theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Đến 1 năm	1.208.903.202.473	832.345.210.218
Từ 1 đến 5 năm	4.191.874.416.605	2.739.276.049.465
Trên 5 năm	2.298.751.793.341	1.047.299.326.747
TỔNG CỘNG	7.699.529.412.419	4.618.920.586.430

32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Mua Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0612/HĐQT/NQ-TGDD ngày 28 tháng 12 năm 2017, Hội đồng Quản trị đã chấp thuận việc Công ty nhận chuyển nhượng cổ phiếu trong Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh ("Trần Anh") từ các cổ đông hiện hữu.

Vào ngày 5 tháng 1 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 23.608.706 cổ phiếu, tương đương 95,15% tỷ lệ sở hữu trong Trần Anh từ các cổ đông hiện hữu với tổng giá phí là 823.943.839.400 VND.

Vào ngày 9 tháng 2 năm 2018, Công ty đã nhận chuyển nhượng thêm 956.081 cổ phiếu, tương đương 3,85% tỷ lệ sở hữu trong Trần Anh từ các cổ đông không kiểm soát. Theo đó, Công ty đã nâng tỷ lệ sở hữu từ 95,15% lên 99,00%.

Phát hành riêng lẻ cổ phiếu phổ thông cho cổ đông chiến lược

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2017/ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 8 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của công ty đã phê duyệt phương án phát hành riêng lẻ 6.700.000 cổ phiếu cho các nhà đầu tư, và theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0112/2017/HĐQT/NQ-TGDD ngày 7 tháng 12 năm 2017, Hội đồng Quản trị đã thông qua phương án phát hành riêng lẻ 6.700.000 cổ phiếu cho các nhà đầu tư.

Vào ngày 29 tháng 12 năm 2017, Công ty đã nhận được Công văn số 8675/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc phát hành mới cổ phiếu phổ thông riêng lẻ đã đề cập như trên cho các nhà đầu tư. Theo đó, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0101/2018/HĐQT/NQ-TGDD ngày 5 tháng 1 năm 2018, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc phát hành 6.181.084 cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư.

Việc phát hành trên đã được hoàn thành vào ngày 15 tháng 1 năm 2018, với tổng số cổ phiếu phổ thông mới được phát hành cho các nhà đầu tư là 6.181.084 cổ phiếu với mức giá phát hành là 93.300 VND/cổ phiếu với tổng giá trị là 576.695.137.200 VND.

Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 3.169.884.370.000 VND lên 3.231.695.210.000 VND. Vào ngày lập báo cáo này, Công ty đang trong quá trình đệ trình hồ sơ lên Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương yêu cầu điều chỉnh Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp về việc tăng vốn điều lệ nói trên.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.



Lý Trần Kim Ngân
Người lập
Ngày 5 tháng 3 năm 2018



Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đức Tài
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẾ GIỚI DI ĐỘNG

Văn Phòng Điều Hành:
Lầu 5 tòa nhà Etown 2
364 Cộng Hòa, P. 13, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 08 3812 5960
Email: investor@thegioididong.com
www.mgw.com